

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CTN2 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101003 - X ầ c su t th ng k ² H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3672011104	36CTN2	Nguy n Ho ầ ng Anh	20/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
2	3672011548	36CTN2	Nguy n Th ầ i B o	19/12/1994				3.0	0.0		1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	CT
3	3672011033	36CTN2	H Th B ầ ch	29/11/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	5.5	3.9	4.9	
4	3672011844	36CTN2	Nguy n Thanh Ca	15/01/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
5	3672011005	36CTN2	Nguy n Th C m	19/03/1993				3.0	1.0		2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
6	3672011537	36CTN2	Tr n Nguy ² n C n	23/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3672011251	36CTN2	V H ầ ấ Ch ng	10/09/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
8	3672012056	36CTN2	Ph m Th H ầ a D ầ ng	16/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
9	3672010813	36CTN2	Tr n Ng c Di m	28/09/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
10	3672010987	36CTN2	Tr ng Th Di m	01/08/1994				3.0	4.0		3.5	1.1	7.0	4.9	6.0	
11	3672011043	36CTN2	Nguy n Th M D ầ y ầ n	28/06/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
12	3672011068	36CTN2	Nguy n Xu ầ n ấ ²	05/11/1994				3.0	1.0		2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
13	3672011084	36CTN2	Ng ầ ấ i ầ i n	16/06/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	5.0	3.5	4.6	
14	3672011013	36CTN2	Tr n V ầ ầ ầ nh	30/10/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
15	3672011878	36CTN2	Nguy n Minh ầ c	06/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
16	3672011215	36CTN2	Phan V ầ ầ c	13/07/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
17	3672011101	36CTN2	V ầ Ho ầ ng Giang	08/02/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
18	3672010972	36CTN2	Nguy n Th Ng c Gi ầ u	17/05/1987				4.0	2.0		3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
19	3672010824	36CTN2	Nguy n V ầ ầ Gi ầ u	26/06/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	3.0	2.1	3.2	

Kh¹ a h c :	L p h c : 36CTN2	N¹ n h c : 2012-2013	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H ñ T :	H c p h n : 122067101003 - X ² c su t th ng k ²	H c km : HK02	

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ TểN	NGÀY SINH	ẵI M THỈ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ẵI M THI	QUY TS : 70.00%	ẵI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3672010930	36CTN2	Nguy n Th Ng c Hân	02/08/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	5.0	3.5	4.6	
21	3672011532	36CTN2	Châu Thanh H ng	08/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
22	3672011075	36CTN2	Võ Hoàng Huy	23/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
23	3672010898	36CTN2	L² Th Ng c Huy n	15/09/1994				4.0	1.0		2.5	0.8	4.0	2.8	3.6	
24	3672011886	36CTN2	Mai Xuân Huy n	20/10/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	3.5	2.5	3.5	
25	3672010833	36CTN2	Nguy n Ph³c Khang	05/08/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	1.0	0.7	1.8	
26	3672010665	36CTN2	Tr n Minh Kh ng	12/08/1994				2.0	1.0		1.5	0.5	3.0	2.1	2.6	
27	3672011031	36CTN2	L² Thi n Ho@ng Lân	29/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
28	3672011592	36CTN2	Bặi Th Tuy t Minh	05/11/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	7.0	4.9	6.3	
29	3672010760	36CTN2	Nguy n Th M	16/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
30	3672010661	36CTN2	L² Th Nga	15/12/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
31	3672010748	36CTN2	Nguy n Th B'ch Ng c	16/01/1994				5.0	6.0		5.5	1.7	4.0	2.8	4.5	
32	3672011485	36CTN2	Phan Th Thanh Nhàn	07/04/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
33	3672011869	36CTN2	Huunh Minh Nhân	10/03/1994				6.0	5.0		5.5	1.7	8.0	5.6	7.3	
34	3672011884	36CTN2	L² Ph m Thỷy Nhi	28/09/1993				3.0	4.0		3.5	1.1	9.0	6.3	7.4	
35	3672010854	36CTN2	Nguy n Th Y n Nhi	10/06/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	4.5	3.2	4.2	
36	3672011583	36CTN2	Nguy n B'' Phát	05/05/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
37	3672010860	36CTN2	Tổng Thanh Phi	13/06/1994				7.0	5.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
38	3672011542	36CTN2	Nguy n T n Quang	20/12/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	5.5	3.9	4.9	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CTN2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101003 - X c su t th ng k² H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3672011941	36CTN2	ñ Minh	Qu c	29/01/1994				3.0	3.0		3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
40	3672010652	36CTN2	Thì Thu	Sang	04/11/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	4.0	2.8	3.9	
41	3672010850	36CTN2	Nguy n H u	Tài	02/03/1994				5.0	1.0		3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	
42	3672011277	36CTN2	Tr n T n	Tài	09/04/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
43	3672010839	36CTN2	H Quy t	Ti n	20/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
44	3672010958	36CTN2	L ² ã c	Tu	02/02/1994				5.0	1.0		3.0	0.9	7.0	4.9	5.8	
45	3672010721	36CTN2	L Th Kim	Tuy n	18/08/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	8.0	5.6	6.7	
46	3672011490	36CTN2	Nguy n ã nh	Tuy n	07/08/1993				3.0	3.0		3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
47	3672010782	36CTN2	Nguy n Phan S n	Tùng	15/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
48	3672010809	36CTN2	Nguy n Thanh	Tú	30/11/1994				2.0	1.0		1.5	0.5	3.5	2.5	2.9	
49	3672010908	36CTN2	Tr n Phan Minh	Tú	01/07/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
50	3672010946	36CTN2	Nguy n T n	Thành	13/08/1994				4.0	6.0		5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
51	3672010925	36CTN2	Mai ã c	Thì u	20/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3672010726	36CTN2	VH ½ c	Thông	16/04/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
53	3672011262	36CTN2	V ½ Th	Thùy	15/01/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	3.5	2.5	3.5	
54	3672011259	36CTN2	Giang Y n	Trang	25/05/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
55	3672011072	36CTN2	Nguy n Th Tuy t	Trình	28/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
56	3672010768	36CTN2	Hu nh H u	Trí	25/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
57	3672011004	36CTN2	Ng» Ng c Thanh	Trúc	05/11/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CTN2 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101003 - X ầ c su t th ng k ² H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T ầ N	NG ẦY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3672010671	36CTN2	Nguy n Th C m ầ V ầ	30/04/1994				3.0	1.0		2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
59	3672011049	36CTN2	L ² Th ầ V ầ	13/09/1994				4.0	3.0		3.5	1.1	5.5	3.9	4.9	
60	3672010687	36CTN2	Nguy n Qu c ầ V ầ t	01/04/1994				3.0	1.0		2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
61	3672010871	36CTN2	H Qu c ầ V ầ ng	20/02/1992				4.0	3.0		3.5	1.1	0.0	0.0	1.1	N HP
62	3672011026	36CTN2	M ch Huy ầ V ầ ng	07/10/1994				5.0	3.0		4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
63	3672011270	36CTN2	V ½ Th Th ¾ ầ V ầ	24/05/1994				4.0	1.0		2.5	0.8	2.5	1.8	2.5	
64	3672012004	36CTN2	Tr ng M ầ Xuy ầ	1993				5.0	1.0		3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	

T ng s : 64 h c sinh sinh v ầ n
Tr ng Khoa Gi ầ o V ầ n B M ầ n Tp.HCM, ng ầ / /
Gi ầ o V Khoa